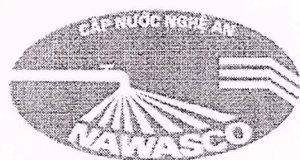


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2023**

Địa chỉ: Số 32 - Phan Đăng Lưu - Tp.Vinh

Điện thoại: 02383-739739

Website: www.nawasco.com.vn

————— THÁNG 4/2024 —————

Số: 72/BC-CNNA

Nghệ An, ngày 12 tháng 4 năm 2024

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN
NĂM 2023**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hà Nội

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát.

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900324240 đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 6 năm 2006 đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 07 tháng 9 năm 2018.
- Vốn điều lệ: 373.859.830.000 đồng
(Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi ba tỷ, tám trăm năm mươi chín triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng).
- Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An, Việt Nam.
- Số điện thoại: 02383.739.739.
- Website: www.nawasco.com.vn.
- Mã cổ phiếu: NAW.
- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An tiền thân là Nhà máy nước Vinh được thành lập từ năm 1957. Công ty ban đầu chỉ có một cơ sở sản xuất với công suất nhỏ để cung cấp nước sạch cho khu vực trung tâm Thành phố Vinh.

Ngày 15/03/1995, UBND tỉnh Nghệ An đã có Quyết định số 590 UB-QĐ ngày 15/03/1995 về việc đổi tên Nhà máy nước Vinh thành Công ty Cấp nước Nghệ An.

Ngày 20/01/2006, UBND tỉnh Nghệ An đã có Quyết định số 315/QĐ-UBND-ĐMDN về việc chuyển đổi Công ty cấp nước Nghệ An thành Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An.

Ngày 12/11/2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An đã có Quyết định số 5333/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Nghệ An. Qua đó công ty đổi thành Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An với số vốn điều lệ ban đầu là 295.622.070.000 đồng (Hai trăm chín mươi lăm tỷ, sáu trăm hai mươi

hai triệu, không trăm bảy mươi nghìn đồng), trong đó số cổ phần nhà nước tại công ty là 51% vốn điều lệ.

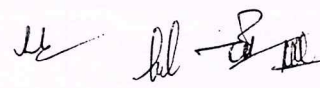
Kể từ ngày 05/01/2017, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900324240 thay đổi lần 4, chính thức hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần với vốn điều lệ đăng ký là 295.622.070.000 đồng.

Công ty thực hiện thay đổi đăng ký kinh doanh lần 6 ngày 07/9/2018 tăng số vốn điều lệ 295.622.070.000 đồng (Hai trăm chín mươi lăm tỷ, sáu trăm hai mươi hai triệu, không trăm bảy mươi nghìn đồng) lên thành 373.859.830.000 đồng (Ba trăm bảy mươi ba tỷ, tám trăm năm mươi chín triệu, tám trăm ba mươi nghìn đồng).

Ngày 11/10/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An có Quyết định số 7838/QĐ-UBND về việc phê duyệt kết quả thoái vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An. Trong đó, số cổ phần nhà nước tại công ty là 38,05% vốn điều lệ.

2. Ngành nghề kinh doanh.

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động thiết kế chuyên dụng (Tư vấn thiết kế, thăm tra hồ sơ thiết kế kỹ thuật - dự toán công trình cấp thoát nước)	7410
2	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Công trình công nghiệp, thủy lợi, đường dây và trạm biến áp)	4390
3	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí	4322
5	Hoạt động tư vấn quản lý (Lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu và quản lý dự án công trình cấp thoát nước)	7020
6	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất cùng chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Đầu tư kinh doanh địa ốc, nhà ở chung cư, dịch vụ quản lý chung cư và cao ốc văn phòng)	6810
7	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước)	7110
8	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu chuyên ngành cấp thoát nước	2599
9	Khai thác, xử lý và cung cấp nước (khai thác nước thô; sản xuất, cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác; sản xuất kinh doanh nước uống đóng chai)	3600 (Chính)
10	Lắp đặt hệ thống điện	4321
11	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752



STT	Tên ngành	Mã ngành
	(Mua bán vật liệu xây dựng và vật tư thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước)	
12	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (Lắp đặt hệ thống phòng, chữa cháy, trụ cứu hỏa)	4329
13	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chuyên ngành cấp thoát nước	4663
14	Xây dựng công trình đường sắt	4211
15	Xây dựng công trình đường bộ	4212
16	Xây dựng công trình điện	4221
17	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
18	Xây dựng công trình thủy	4291
19	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
20	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
21	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
22	Xây dựng nhà để ở	4101
23	Xây dựng nhà không để ở	4102
24	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
25	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

- Mô hình quản trị

- + Đại hội đồng cổ đông
- + Hội đồng quản trị
- + Ban kiểm soát
- + Ban Tổng Giám đốc

- Cơ cấu bộ máy quản lý

+ Hội đồng quản trị: 01 Chủ tịch HĐQT, 01 phó chủ tịch HĐQT và 01 thành viên HĐQT.

+ Ban kiểm soát: 01 Trưởng BKS và 02 thành viên BKS.

+ Ban Tổng giám đốc: 01 Tổng Giám đốc, 01 Phó Tổng Giám đốc và 01 trợ lý Tổng giám đốc.

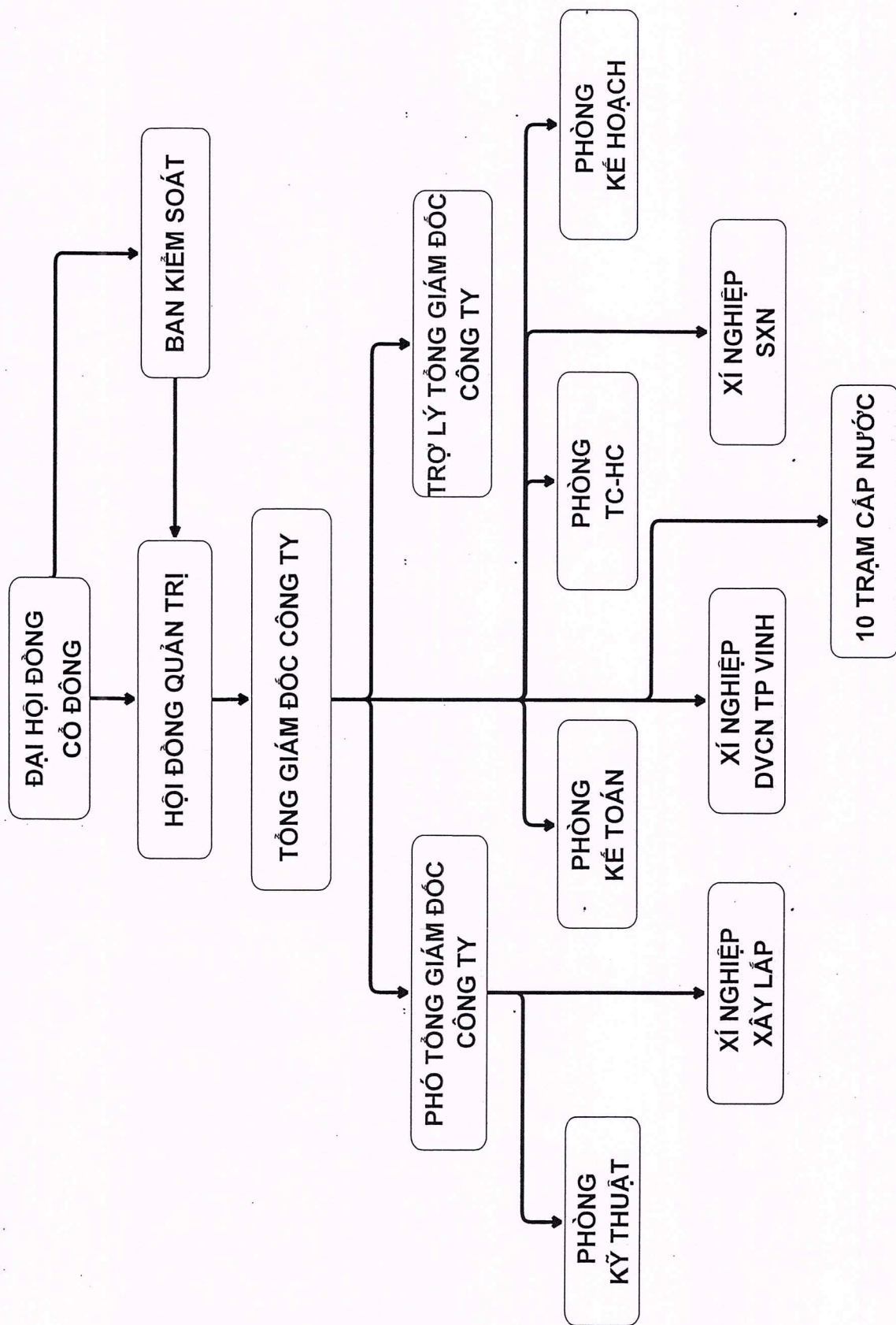
- + 04 Phòng trực thuộc:
- Phòng Tổ chức - Hành chính.
 - Phòng Kế hoạch.
 - Phòng Kỹ thuật.
 - Phòng Kế toán.

+ 03 Xí Nghiệp và 10 trạm cấp nước trực thuộc

- Xí nghiệp DVCN Thành phố Vinh.
- Xí nghiệp xây lắp chống thất thoát.

- Xí nghiệp sản xuất nước Thành phố Vinh (bao gồm: Nhà máy nước Hưng Vĩnh; Nhà máy nước Cầu Bạch và Nhà máy nước Hưng Nguyên).
- 10 trạm cấp nước trực thuộc (gồm các trạm: Anh Sơn, Con Cuông, Đô Lương, Tân Kỳ, Quỳnh Châu, Quỳnh Hợp, Thanh Chương, Nam Đàn, Tương Dương, Kỳ Sơn).

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN



4. Định hướng phát triển

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty trong năm 2024.

- Sản lượng nước tiêu thụ toàn Công ty: 32.016.650 m³.
- Doanh thu toàn Công ty: 344.486.419.000 đồng.
- Tiếp tục mở rộng và nâng cấp các nhà máy nước.
- Thi công lắp đặt mới và cải tạo các tuyến đường ống cấp 1.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác nêu tại Kế hoạch SXKD của Công ty năm 2024.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Đầu tư cải tạo, sửa chữa các nhà máy sản xuất nước để nâng cao chất lượng nước và dịch vụ tốt nhất cho khách hàng sử dụng nước.

- Thực hiện nâng cấp, cải tạo mạng đường ống cũ nát và cắt bít triệt để nguồn cũ sau khi đã cải tạo để quản lý và chống thất thoát, thất thu trên mạng lưới tuyến ống;

- Tăng cường công tác kiểm tra, chăm sóc khách hàng để kịp thời chuyển đổi mục đích sử dụng nước của khách hàng đúng với thực tế sử dụng. Tăng cường vận động khách hàng thanh toán tiền sử dụng nước không dùng tiền mặt.

- Tập trung xây dựng và đưa vào sử dụng các phần mềm để quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Tăng cường công tác tuần tra, dò tìm và sửa chữa, khắc phục rò rỉ đường ống; Kiểm soát lưu lượng và áp lực nước đầu vào tại các đồng hồ tổng; Kịp thời thay thế các đồng hồ bị hư hỏng để giảm nước không doanh thu.

- Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, vận hành an toàn hệ thống mạng lưới để đảm bảo cấp nước liên tục, ổn định, đủ áp lực. Đồng thời giải quyết kịp thời các ý kiến của khách hàng liên quan đến đồng hồ nước, chất lượng dịch vụ, thu tiền sử dụng nước ... Tích cực tuyên truyền khách hàng ý thức hơn trong việc sử dụng nước sạch và tham gia vào các công trình phúc lợi xã hội của ngành nước;

- Lập kế hoạch chăm sóc khách hàng có nhu cầu sử dụng nước lớn để có giải pháp xử lý kịp thời khi khách hàng có yêu cầu; hỗ trợ đổi cỡ, gắn mới đồng hồ nước khi khách hàng có đề nghị thay đổi nhằm tăng sản lượng và doanh thu nước tiêu thụ.

- Phát triển mạng đường ống để mở rộng phạm vi cấp nước; cải tạo và thay thế các tuyến ống truyền dẫn để tăng áp lực và lưu lượng nước đảm bảo cấp nước ổn định cho khách hàng nhằm tăng sản lượng, doanh thu.

- Củng cố đội ngũ cán bộ quản lý tại các bộ phận; Sắp xếp luân chuyển cán bộ quản lý, người lao động giữa các phòng, Xí nghiệp để phù hợp với tình hình thực tế; Khoán quỹ lương cho các bộ phận nhằm nâng cao hiệu quả công tác, nâng cao năng suất lao động.

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

- Chấp hành nghiêm các quy định pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thành tốt nghĩa vụ đối với nhà nước.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ, phục vụ khách hàng; đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch của người dân, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng cho phép, góp phần nâng cao sức khỏe cho người dân. Đảm bảo hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp, người lao động và cổ đông Công ty.

5. Các rủi ro.

- Nguồn nước thô phục vụ sản xuất phụ thuộc nhiều vào yếu tố thiên nhiên, vào mùa mưa bão, nước thô đầu vào có độ đục rất cao nên phải tiêu tốn nhiều hóa chất để xử lý nước làm tăng chi phí sản xuất nước.

- Hệ thống mạng đường ống cấp nước của Công ty có rất nhiều tuyến ống cấp I cần phải đầu tư cải tạo, thay thế. Việc cải tạo, thay thế đòi hỏi chi phí rất lớn trong khi nguồn vốn của Công ty còn hạn hẹp.

- Giá tiêu thụ nước sạch không được điều chỉnh, trong khi các chi phí đầu vào đã tăng rất nhiều, dẫn đến sản xuất kinh doanh của Công ty không có hiệu quả, không trích được khấu hao để tái đầu tư.

- Các đơn vị tham gia thi công các công trình hạ tầng ngầm thiếu điều tra khảo sát ban đầu đã gây hư hỏng mạng đường ống cấp nước, gây thất thoát nước.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2023.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	So sánh (2023/2022)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	306.120.718.230	281.942.387.493	108,6%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	162.191	8.019.047	2,0%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	306.120.556.039	281.934.368.446	108,6%
4. Giá vốn hàng bán	233.605.309.092	214.505.259.027	108,9%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	72.515.246.947	67.429.109.419	107,5%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	6.498.382.706	6.869.613.165	94,6%
7. Chi phí tài chính	11.353.700.030	10.424.718.351	108,9%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	10.313.566.842	10.095.739.514	102,2%
8. Chi phí bán hàng	19.161.320.989	19.212.534.290	99,7%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	47.826.130.108	39.882.446.594	119,9%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	672.478.526	4.779.023.349	14,1%
11. Thu nhập khác	4.023.801.507	2.475.287.372	162,6%
12. Chi phí khác	381.860.448	1.139.567.907	33,5%
13. Lợi nhuận khác	3.641.941.059	1.335.719.465	272,7%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.314.419.585	6.114.742.814	70,6%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.549.221.141	1.279.795.212	121,1%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.765.198.444	4.834.947.602	57,2%

2. Tổ chức và nhân sự.

2.1. Danh sách Ban điều hành.

2.1.1. Ông Nguyễn Bá Quý - Chủ tịch HĐQT

Họ và tên	Nguyễn Bá Quý
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	2/3/1960
Nơi sinh	Quỳnh Đôi - Quỳnh Lưu - Nghệ An
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Khối 3 - Thị trấn huyện Tân Kỳ - Tỉnh Nghệ An
CMND	187253456 Ngày cấp 12/7/2010 Nơi cấp: Công an tỉnh Nghệ An
Trình độ chuyên môn	Đại học kỹ thuật công nghiệp Việt Bắc (Cơ khí chế tạo máy)
Chức vụ hiện nay	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Mía đường Sông Con Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Nông nghiệp Sông Con
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ ngày 01/11/1982 đến 31/3/1993: Kỹ sư tại Xí nghiệp vận tải 500 xe - Công ty Thủy điện Hòa Bình. - Từ ngày 01/4/1993 đến 30/09/2001: Trưởng phòng Kỹ thuật tại Xí Nghiệp Đường Rượu Sông Con - Huyện Tân Kỳ - Tỉnh Nghệ An. - Từ ngày 01/10/2001 đến 31/05/2004: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Mía đường Sông Con - Huyện Tân Kỳ - Tỉnh Nghệ An. - Từ ngày 01/06/2004 đến 30/09/2006: Giám đốc Công ty cổ phần Mía đường Sông Con - Huyện Tân Kỳ - Tỉnh Nghệ An. - Từ ngày 01/10/2006 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm phó Giám đốc Công ty cổ phần Mía đường Sông Con. - Từ ngày 30/12/2016 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An. - Từ ngày 28/5/2019 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần nông nghiệp Sông Con.
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ. <i>Trong đó:</i>	0 cổ phần
- Sở hữu cá nhân:	0 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện:	0 cổ phần
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan:	0 cổ phần

2.1.2. Ông Trịnh Văn Thắng - Phó chủ tịch HĐQT, Trưởng phòng Kỹ thuật

Họ và tên	Trịnh Văn Thắng
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	27/01/1973
Nơi sinh	Xã Văn An, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Xóm 13, xã Hưng Lộc, Tp.Vinh, Nghệ An
CMND	182113020 Ngày cấp: 18/08/2015 Nơi cấp: CA tỉnh Nghệ An

Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cấp thoát nước, trường Đại học Kiến Trúc Hà Nội.
Chức vụ hiện nay	Trưởng phòng Kỹ thuật
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ năm 1994 đến 2003: Công nhân tổ cơ khí, Công ty cấp nước Nghệ An. - Từ năm 2003 đến 2010: Nhân viên phòng kỹ thuật, Công ty TNHH 1TV cấp nước Nghệ An. - Từ năm 2011 đến 2013: Phó phòng Kế hoạch kỹ thuật, Công ty TNHH 1TV cấp nước Nghệ An. - Từ năm 2013 đến ngày 28/2/2017: Trưởng phòng kế hoạch kỹ thuật, Công ty TNHH 1TV cấp nước Nghệ An. - Từ ngày 01/3/2017 đến ngày 8/5/2021: Trưởng phòng kỹ thuật, Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An - Từ ngày 9/5/2021 đến nay: Phó chủ tịch HĐQT, Trưởng phòng kỹ thuật, Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ. Trong đó.	14.234.836 cổ phần
- Sở hữu cá nhân	7.000 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện	14.227.836 cổ phần
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không có

2.1.3. Ông Lê Đình Hoan-Thành viên HĐQT, Trợ lý Tổng giám đốc kiêm trưởng phòng Kế hoạch.

Họ và tên	Lê Đình Hoan
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	4/8/1976
Nơi sinh	Hương Phố - Hương Khê - Hà Tĩnh
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Phường Lê Mao - Thành phố Vinh - Tỉnh Nghệ An
CMND	182069992 Ngày cấp: 11/11/2002 Nơi cấp: Công an tỉnh Nghệ An
Trình độ chuyên môn	Cao đẳng kế toán
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT, Trợ lý Tổng giám đốc kiêm trưởng phòng Kế hoạch Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Giám đốc Công ty cổ phần Mía đường Sông Con
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ ngày 01/7/1997 đến 30/09/2001: Nhân viên Kế hoạch, phòng Kế hoạch - Công ty cổ phần Mía đường Sông Con. - Từ ngày 01/10/2001 đến 30/10/2006: Phó phòng Kế hoạch - Công ty cổ phần Mía đường Sông Con. - Từ ngày 01/11/2006 đến 28/02/2010: Phó chủ tịch HĐQT, phó Giám đốc Công ty cổ phần mía đường Sông Con.

ly *hul* *SA*

	<p>- Từ ngày 01/03/2010 đến 29/12/2016: Giám đốc Công ty cổ phần Mía đường Sông Con.</p> <p>- Từ ngày 30/12/2016 đến 10/11/2018: Giám đốc Công ty cổ phần Mía đường Sông Con kiêm Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An.</p> <p>- Từ ngày 11/11/2018 đến 22/11/2018: Giám đốc Công ty cổ phần Mía đường Sông Con kiêm Thành viên HĐQT, trợ lý Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An.</p> <p>- Từ ngày 23/11/2018 đến nay: Giám đốc Công ty cổ phần Mía đường Sông Con kiêm Thành viên HĐQT, trợ lý Tổng Giám đốc, Trưởng phòng Kế hoạch - Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An.</p>
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ. Trong đó:	10.341.940 cổ phần
- Sở hữu cá nhân	0 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện	10.341.940 cổ phần
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Ông Lê Đình Hoan là Giám đốc Công ty cổ phần Mía đường Sông Con, sở hữu 10.341.940 cổ phần.

2.1.4. Ông Hoàng Văn Hải - Tổng Giám đốc Công ty

Họ và tên	Hoàng Văn Hải
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	02/01/1961
Nơi sinh:	Bắc Sơn - Đô Lương - Nghệ An
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Khối 10, Phường Trường Thi, Thành phố Vinh, Nghệ An
CMND	186527152 Ngày cấp: 26/02/2006 Nơi cấp: Công an tỉnh Nghệ An
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư chế tạo máy - Đại học Bách Khoa Hà Nội
Chức vụ hiện nay	Tổng Giám đốc Công ty
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Quá trình công tác	<p>- Từ tháng 01/1985 đến 8/1998: Cán bộ kỹ thuật, Xí nghiệp liên hợp thiếc Nghệ Tĩnh.</p> <p>- Từ tháng 8/1998 đến 02/1999: Cán bộ kỹ thuật Xí nghiệp xây lắp - Công ty Cấp nước Nghệ An.</p> <p>- Từ tháng 3/1999 đến 9/2001: Cán bộ kỹ thuật Phòng Kế hoạch kỹ thuật - Công ty Cấp nước Nghệ An.</p> <p>- Từ tháng 10/2001 đến 06/2004: Trạm trưởng nhà máy nước Con Cuông - Công ty Cấp nước Nghệ An.</p> <p>- Từ tháng 06/2004 đến 10/2004: Trạm trưởng trạm cấp nước Đô Lương - Xí nghiệp cấp nước các thị trấn miền núi - Công ty Cấp nước Nghệ An.</p> <p>- Từ tháng 11/2004 đến 7/2006: Phó giám đốc Xí nghiệp cấp nước miền núi kiêm trạm trưởng Đô Lương - Công ty Cấp nước Nghệ An.</p>

	<ul style="list-style-type: none"> - Từ tháng 8/2006 đến 02/2012: Giám đốc Xí nghiệp cấp nước các thị trấn miền núi - Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An. - Từ tháng 3/2012 đến 30/12/2016: Phó Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Xí nghiệp cấp nước các đô thị miền tây - Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An. - Từ ngày 31/12/2016 đến 24/01/2017: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An. - Từ ngày 25/01/2017 đến 8/5/2021: Bí thư đảng ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An. - Từ ngày 9/5/2021 đến nay: Bí thư đảng ủy, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An.
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ. Trong đó:	5.800 cổ phần
- Sở hữu cá nhân	5.800 cổ phần
- Sở hữu đại diện phần vốn UBND tỉnh Nghệ An tại Công ty	0 cổ phần
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không có

2.1.5. Ông Nguyễn Văn Hà - Phó Tổng Giám đốc Công ty

Họ và tên	Nguyễn Văn Hà
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	26/2/1978
Nơi sinh	Tràng Sơn - Huyện Đô Lương - Tỉnh Nghệ An
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Lô 25 - Khu đô thị ST Vinh Tân - Thành phố Vinh - Tỉnh Nghệ An
CMND	182167645 Ngày cấp: 02/12/2011 Nơi cấp: CA tỉnh Nghệ An
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ kỹ thuật cơ sở hạ tầng/Kỹ sư xây dựng chuyên ngành Cấp thoát nước - Đại học Xây dựng
Chức vụ hiện nay	Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ ngày 01/01/2003 đến 30/6/2006: Kỹ sư khảo sát thiết kế, giám sát kỹ thuật công trình cấp thoát nước và môi trường Chi nhánh công ty nước và môi trường Việt Nam tại thành phố Đà Nẵng/Làm việc cho dự án World Bank tại Đà Nẵng. - Từ ngày 01/7/2006 đến 31/8/2013: Làm việc tại Ban quản lý dự án cải tạo mạng giám thất thoát nước Tp.Vinh (giai đoạn 1) - Công ty TNHH MTV cấp nước Nghệ An. - Từ ngày 01/09/2013 đến 31/03/2016: Phó Giám đốc Ban quản lý dự án cải tạo mạng giám thất thoát nước Tp.Vinh (giai đoạn 1) - Công ty TNHH MTV cấp nước Nghệ An. - Từ ngày 01/04/2016 đến 31/01/2017: Phó phòng Kế hoạch kỹ thuật- Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An.

	<ul style="list-style-type: none"> - Từ ngày 01/02/2017 đến 28/2/2017: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An. - Từ ngày 01/03/2017 đến 22/11/2018: Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kế hoạch - Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An. - Từ ngày 23/11/2018 đến 22/4/2019: Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng TCHC - Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An. - Từ ngày 23/4/2019 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An.
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ. Trong đó.	5.900 cổ phần
- Sở hữu cá nhân	5.900 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện	0 cổ phần
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không có

2.1.6. Bà Trần Thị Lan Anh - Kế toán trưởng Công ty

Họ và tên	Trần Thị Lan Anh
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	15/11/1986
Nơi sinh	Xã Đà Sơn, Huyện Đô Lương, Nghệ An
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Khối 7, Thị trấn Đô Lương, Huyện Đô lương, Nghệ An
CMND	186381454 ngày cấp: 14/01/2004 Nơi cấp: Công an tỉnh Nghệ An
Trình độ chuyên môn	Đại học (Cử nhân kinh tế)
Chức vụ hiện nay	Kế toán trưởng Công ty
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Phó phòng Kế toán Công ty cổ phần Mía đường Sông Con
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ năm 2009 đến ngày 31/7/2016: Nhân viên kế toán tại Công ty cổ phần Mía đường sông Con. - Từ ngày 1/8/2016 đến ngày 29/12/2016: Phó phòng kế toán tại Công ty cổ phần Mía đường sông Con. - Từ ngày 30/12/2016 đến ngày 22/4/2019: Phó phòng kế toán tại Công ty cổ phần Mía đường sông Con, thành viên ban kiểm soát Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An. - Từ ngày 23/4/2019 đến nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An, Phó phòng Kế toán Công ty cổ phần Mía đường sông Con. - Từ ngày 8/8/2019 đến ngày 25/4/2023: Thành viên ban kiểm soát Công ty Cổ phần nông nghiệp Sông Con.
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ Trong đó:	0 cổ phần
- Sở hữu cá nhân	0 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện	0 cổ phần
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không có

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành: Không có.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên.

2.3.1. Tổng số cán bộ, nhân viên (tính đến ngày 31/12/2023): 481 người.

2.3.2. Chính sách cho người lao động trong năm 2023:

- Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách, phúc lợi cho người lao động (gồm tiền lương, thưởng, BHXH, BHYT, BHTN ...); đồng hành cùng công đoàn ngành xây dựng tỉnh Nghệ An tổ chức chương trình “tết sum vầy” cho người lao động; hỗ trợ cho các đoàn viên công đoàn bị bệnh hiểm nghèo và có hoàn cảnh khó khăn.

- Trang bị bảo hộ lao động mẫu mới .v.v. theo đúng quy định cho người lao động, với số tiền là 387.817.200 đồng.

- Việc trả lương cho người lao động thực hiện đúng theo quy định của Nhà nước và quy chế trả lương, thưởng cho người lao động được quy định tại Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty hàng năm. Thu nhập bình quân của người lao động năm 2023 là 13.606.000 đồng/người/tháng.

- Ngoài thu nhập nêu trên, trong năm 2023, Công ty đã hỗ trợ thêm cho người lao động các khoản dưới đây:

+ Thưởng danh hiệu lao động chuyên môn tay nghề cao cho người lao động có trình độ tay nghề, tinh thần trách nhiệm và hiệu quả làm việc tốt trong năm. Tiền thưởng lao động chuyên môn tay nghề cao là 182.300.000 đồng.

+ Hỗ trợ suất ăn ở XN sản xuất nước, XN xây lắp, tổ tiếp nhận thông tin, tổ xe máy, trung tâm thí nghiệm nước và tổ bảo vệ, với số tiền là 1.024.130.000 đồng.

+ Tặng quà cho người lao động ở các ngày lễ trong năm là 429.700.000 đồng.

+ Tổ chức thăm hỏi người lao động khi ốm đau, có người thân mất; tặng quà mừng cưới, với số tiền là 80.500.000 đồng.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

Trong năm 2023, Công ty đã đầu tư thực hiện một số công trình, sau đây:

- Sửa chữa hệ thống xử lý nước Nhà máy nước Hưng Vĩnh: Cải tạo hệ thống châm hóa chất và châm bổ sung hóa chất xử lý nước;

- Sửa chữa hệ thống xử lý nước Nhà máy nước Cầu Bạch: Thay thế hệ thống lắng tải trọng cao (khung thép inox 304, tấm lắng composite); Lắp đặt 02 bơm nước sạch (mỗi bơm có công suất 650m³/h); Cải tạo hệ thống châm hóa chất và châm bổ sung hóa chất xử lý nước;

- Thi công lắp đặt các tuyến đường ống cấp 1, với tổng chiều dài lắp đặt thực tế là 28.609 mét;

- Thực hiện lắp mới, thay thế đồng hồ 13.675 cái, đạt 99,09% so với kế hoạch.

- Thi công cải tạo, thay thế các tuyến đường ống cấp 3 trên địa bàn thành phố Vinh và vùng phụ cận.

- Thi công sửa chữa khắc phục các sự cố điểm chảy trên hệ thống mạng đường ống.

4. Tình hình tài chính.

a) Tình hình tài chính

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Tỷ lệ 2023 so với 2022 (%)
Tổng giá trị tài sản	857.134.360.039	863.802.301.036	99,2%
Doanh thu thuần	306.120.556.039	281.934.368.446	108,6%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	672.478.526	4.779.023.349	14,1%
Lợi nhuận khác	3.641.941.059	1.335.719.465	272,7%
Lợi nhuận trước thuế	4.314.419.585	6.114.742.814	70,6%
Lợi nhuận sau thuế	2.765.198.444	4.834.947.602	57,2%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	63	110	57,3%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2022	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,83	0,94	
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,5	0,7	
2. Chỉ tiêu cơ cấu vốn				
Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,56	0,56	
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,26	1,29	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	vòng	2,73	3,77	
Vòng quay tổng tài sản	vòng	0,36	0,33	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	0,90%	1,71%	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	0,73%	1,27%	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	0,32%	0,56%	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	0,22%	1,70%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần lưu hành: 37.385.983 cổ phần (Mệnh giá 10.000 đồng/CP).

b) Cơ cấu cổ đông:

Danh mục	Số lượng	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %
Số lượng cổ đông (chốt đến ngày 31/3/2023)	691	37.385.983	100%
Trong đó			
Cổ đông cá nhân	688	12.786.207	34,2%

Danh mục	Số lượng	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %
Cổ đông tổ chức	3	24.599.776	65,8%
Công ty CP mía đường sông con	1	10.341.940	27,66%
Tổ chức Công đoàn tại Công ty	1	30.000	0,08%
Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An	1	14.227.836	38,06%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e) Các chứng khoán khác: Không có.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty đã quyết tâm thực hiện các nhiệm vụ, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 đã được Đại hội cổ đông thông qua. Đánh giá chung năm 2023 là không hoàn thành nhiệm vụ, hiệu quả sản xuất thấp, chất lượng dịch vụ cấp nước không đáp ứng yêu cầu của khách hàng (không cung cấp đủ nước sạch cho khách hàng), cụ thể như sau:

1.1. Nguồn nước sạch không đủ để cung cấp cho thành phố Vinh và vùng phụ cận.

Nhu cầu sử dụng nước sạch của khách hàng ngày càng tăng nhanh, trong khi công suất xử lý nước sạch ở 03 nhà máy chưa được nâng cấp mở rộng, dẫn đến không đủ nguồn nước sạch cung cấp cho khách hàng (đặc biệt là thời điểm mùa nắng nóng và Tết nguyên đán), áp lực nước không đảm bảo (nước yếu), một số khu vực chất lượng nước không đạt yêu cầu (do nước nằm lâu ngày trong đường ống)

Năm 2023, với 110.297 khách hàng ký hợp đồng dùng nước ở khu vực Vinh và vùng phụ cận, thì nhu cầu sử dụng nước trung bình là khoảng 120.000 m³/ngày đêm, thời điểm mùa nắng nóng và Tết nguyên đán khoảng 150.000 m³/ngày đêm. Với tốc độ phát triển khách hàng như hiện nay, dự kiến đến năm 2030, nhu cầu sử dụng nước ở khu vực Vinh và vùng phụ cận đạt từ 220.000 m³/ngày đêm đến 250.000 m³/ngày đêm (theo tính toán của các cơ quan chuyên ngành đã được Thủ tướng phê duyệt, thì nhu cầu sử dụng nước đến năm 2030 trung bình là 330.000 m³/ngày đêm).

Hiện tại, hệ thống cấp nước Vinh và vùng phụ cận gồm 03 nhà máy, với công suất thiết kế 94.000 m³/ngày đêm, năm 2023 năng lực thực tế cung cấp nước sạch cho 110.297 khách hàng bình quân chỉ đạt 70.811 m³/ngày đêm (trong đó Nhà máy Hưng Vĩnh có 06 bể lọc, nhưng có 03 bể lọc đã sập sàn bê tông đỡ vật liệu lọc mà không khắc phục được). Nguyên nhân Công ty chưa thực hiện được việc nâng cấp mở rộng Nhà máy nước Cầu Bạch và Nhà máy nước Hưng Vĩnh là do hồ sơ chưa được các cơ quan có thẩm quyền thực hiện thẩm định và phê duyệt; hiệu quả sản xuất kinh doanh hàng năm thấp, trong khi nguồn vốn đầu tư cho việc nâng cấp mở rộng nhà máy là rất lớn; Công ty chưa tìm được phương án huy động vốn (các phương án Công ty đã đưa ra không tìm được đối tác).

1.2. Mạng đường ống cấp I không đạt yêu cầu kỹ thuật.

1.2.1. Khu vực thành phố Vinh và vùng phụ cận.

Nhà máy nước Cầu Bạch được đầu tư xây dựng mới và đưa vào vận hành từ năm 2014. Ở dự án này, toàn bộ hệ thống đường ống cấp I có chiều dài 30.559 mét (*kích thước từ DN300 đến DN500*), sử dụng ống composite cốt sợi thủy tinh (*đây là sản phẩm của Công ty cổ phần ống sợi thủy tinh Vinaconex, sản phẩm này đã bị cơ quan có thẩm quyền kết luận là không đảm bảo tiêu chuẩn trong vụ việc vỡ đường ống nước sạch Sông Đà*).

Hiện nay, toàn bộ hệ thống đường ống composite cốt sợi thủy tinh đã bị biến chất, rậm nước, không chịu được áp lực (vỡ đường ống) khi các bơm nước sạch trong nhà máy hoạt động đủ công suất (cả nước hiện nay không còn đơn vị cấp nước sử dụng loại ống này). Đặc biệt, tuyến đường ống composite cốt sợi thủy tinh DN300 chạy dọc đường giao thông liên xã (dài 3.142 mét) để cấp nước cho 3 xã thuộc huyện Nam Đàn (*gồm xã Kim Liên, Nam Giang, Nam Lĩnh*) và tuyến đường ống DN500 chạy dọc quốc lộ 46B (dài 6.100 mét) để cấp nước cho khu vực phía bắc thành phố Vinh và vùng phụ cận đã bị biến chất nghiêm trọng, không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, cần phải thay thế ngay.

1.2.2. Huyện Nam Đàn.

Trạm cấp nước Nam Đàn được đầu tư xây dựng mới và đưa vào vận hành từ năm 2009. Tuyến đường ống cấp I sử dụng vật liệu thép đen và gang xám (dài 4.879 mét, kích thước từ DN200 đến DN300) chạy dọc theo quốc lộ 46 để cấp nước cho thị trấn Nam Đàn, xã Xuân Hòa và Nam Anh đã bị hoen rỉ và không đủ công suất, dẫn đến thiếu nước và chất lượng nước không đảm bảo.

1.2.3. Giá tiêu thụ nước sạch.

- Ngày 02/10/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành quyết định số 41/2018/QĐ-UBND về giá tiêu thụ nước sạch, trong đó nhiều danh mục chi phí được quy định trong Quyết định số 590/QĐ-BXD ngày 30/5/2014 của Bộ Xây dựng và thực tế Công ty đã phải thanh toán các khoản chi phí này, nhưng các khoản chi phí này không được Sở Tài chính thẩm định và UBND tỉnh phê duyệt (hoặc được phê duyệt nhưng thấp hơn thực tế). Chi tiết một số chi phí phát sinh năm 2023 như sau:

+ Tiền lương được phê duyệt là 38,12 tỷ đồng, thực tế đã thanh toán là 80,46 tỷ đồng.

+ Tiền điện được phê duyệt tính theo sản lượng của năm 2023 là 24,04 tỷ đồng, thực tế đã thanh toán là 21,06 tỷ đồng, theo định mức ở Quyết định số 590/QĐ-BXD là 46,64 tỷ đồng.

+ Tiền hóa chất được phê duyệt tính theo sản lượng của năm 2023 là 9,80 tỷ đồng, thực tế đã thanh toán là 13,09 tỷ đồng, theo định mức ở Quyết định số 590/QĐ-BXD là 37,34 tỷ đồng.

+ Tiền cải tạo, thay mới cụm đồng hồ nước không được phê duyệt; thực tế phát sinh là 27,17 tỷ đồng; theo Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN ngày 26/7/2019 của Bộ khoa học và công nghệ về đo lường, bộ đơn giá hiện hành của UBND tỉnh Nghệ An và định mức của bộ xây dựng, thì số lượng đồng hồ phải cải tạo thay mới là 51.478 cụm, tương ứng 151,55 tỷ đồng.

- Trong thời gian từ tháng 10/2018 đến nay, tất cả các khoản chi phí sản xuất nước sạch đều biến động tăng, nhưng UBND tỉnh không phê duyệt điều chỉnh tăng giá nước sạch cho Công ty, dẫn đến sản xuất kinh doanh hiệu quả thấp, Công ty không trích được khấu hao để tái đầu tư tài sản (Công ty đã 02 lần trình hồ sơ đề nghị điều chỉnh giá nước sạch).

1.2.4. Các trạm cấp nước

Kết quả sản xuất kinh doanh ở 10 trạm cấp nước trong các năm gần đây thua lỗ, cụ thể: năm 2021 lỗ 1.256 triệu đồng, năm 2022 lỗ 853 triệu đồng, năm 2023 lỗ 2.698 triệu đồng.

Trong năm 2023 chỉ có 3 trạm cấp nước có lãi (gồm trạm Con Cuông lãi 294 triệu đồng, trạm Đô Lương lãi 686 triệu đồng, trạm Quỳnh Hợp lãi 214 triệu đồng) và 7 trạm cấp nước thua lỗ (gồm trạm Tương Dương lỗ 942 triệu đồng, trạm Kỳ Sơn lỗ 861 triệu đồng, trạm Nam Đàn lỗ 232 triệu đồng, trạm Tân Kỳ lỗ 281 triệu đồng, trạm Anh Sơn lỗ 322 triệu đồng, trạm Quỳnh Châu lỗ 582 triệu đồng, trạm Thanh Chương lỗ 672 triệu đồng).

Nguyên nhân là do giá tiêu thụ nước sạch thấp và không được điều chỉnh trong thời gian dài (trong khi đơn giá các loại vật tư, dịch vụ đều tăng). Ngoài ra, các trạm cấp nước có quy mô nhỏ, tài sản không được bổ sung thay mới, hệ thống mạng đường ống chủ yếu là ống thép và ống Upvc nên chi phí sửa chữa lớn, khối lượng nước sử dụng mỗi khách hàng thấp.

2. Tình hình tài chính.

a) Tình hình tài sản

ĐVT: VNĐ

TT	Các chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	% (2023/2022)
1	Tài sản ngắn hạn	271.178.093.612	285.822.560.190	94,9%
2	Tài sản dài hạn	585.956.266.427	577.979.740.846	101,4%
	Tổng tài sản	857.134.360.039	863.802.301.036	99,2%

b) Các khoản phải trả

ĐVT: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Đến ngày 31/12/2023
1	Nợ ngắn hạn	324.865.369.607
2	Nợ dài hạn	152.692.580.153
	Tổng nợ	477.557.949.760

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

- Công ty đã cơ bản hoàn thiện cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của công ty. Sắp xếp luân chuyển cán bộ quản lý, người lao động giữa các bộ phận để phù hợp với tình hình thực tế của Công ty;

- Xây dựng phương án trả lương và khoán quỹ lương cho các bộ phận nhằm nâng cao hiệu quả làm việc và nâng cao năng suất lao động.

- Ban hành các quy định, quy chế quản lý nội bộ phù hợp với thực tế để đạt hiệu quả hơn trong công tác quản lý.

- Xây dựng và áp dụng các phần mềm để thuận tiện trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc ghi chỉ số và thu tiền sử dụng nước của khách hàng bằng thiết bị di động và liên kết với các ngân hàng, ví điện tử để khách hàng thuận tiện trong công tác thanh toán tiền sử dụng nước.

4. Kế hoạch thực hiện trong năm 2024.

4.1. Sản lượng và doanh thu:

- Sản lượng nước tiêu thụ toàn Công ty: 32.016.650 m³.

- Doanh thu toàn Công ty: 344.486.419.000 đồng. Trong đó:

+ Doanh thu nước tiêu thụ: 335.986.419.000 đồng.

+ Doanh thu xây lắp: 3.500.000.000 đồng

+ Doanh thu khác: 5.000.000.000 đồng.

4.2. Mở rộng, nâng cấp các nhà máy nước.

4.2.1. Nhà máy nước Hưng Vĩnh.

Đầu tư xây dựng, cải tạo hệ thống lọc, hệ thống trạm bơm cấp 2 và hệ thống điện tự động hóa của Nhà máy để phù hợp với hệ thống lắng công suất 96.000 m³/ngày đêm (đưa vào sử dụng năm 2020).

4.2.2. Nhà máy nước Cầu Bạch.

Bao gồm các công trình:

- Xây dựng mới dây chuyền sản xuất nước sạch, công suất 50.000 m³/ngày đêm.

- Bổ sung tuyến ống DN600 chạy dọc đường giao thông liên xã (thay tuyến ống composite cốt sợi thủy tinh và ống thép DN300 hiện có), để cấp nước cho các xã: Kim Liên, Nam Giang, Nam Lĩnh và Nam Xuân huyện Nam Đàn.

- Bổ sung tuyến ống DN900 chạy dọc quốc lộ 46B (thay tuyến ống cốt sợi thủy tinh DN500 hiện có), để cấp nước cho khu vực phía Bắc thành phố Vinh và vùng phụ cận.

4.3. Lắp đặt mới và cải tạo các tuyến đường ống cấp 1.

- Tiếp tục thi công tuyến ống DN500/DN300 chạy dọc đường 72 mét. Cấp nước cho các xã phụ cận thành phố Vinh.

- Bổ sung tuyến ống DN600 chạy dọc đường giao thông liên xóm và đường Lê Hồng Sơn (thay thế 02 tuyến ống DN300 và DN225 hiện có do 2 tuyến này không đáp ứng

yêu cầu kỹ thuật) để cấp nước cho thị trấn Nam Đàn, xã Xuân Hòa, Nam Anh, Nam Thanh và Trường Quân sự quân khu 4 huyện Nam Đàn.

- Thi công mới tuyến ống DN300 chạy dọc đường vào trung tâm xã Phúc Thọ, Nghi Lộc. Cấp nước cho xã Phúc Thọ và vùng lân cận.

- Tiếp tục thi công tuyến ống gang DN300 đường Hải Thượng Lãn Ông.

- Bổ sung tuyến đường ống DN300 (hiện tại đang sử dụng tuyến ống DN225, không đáp ứng năng lực truyền tải) để cấp nước cho xã Hưng Thịnh và các xã ven Sông Lam.

4.4. Các Kế hoạch khác.

- Bán tài sản là 10 trạm cấp nước kèm theo vùng phục vụ cấp nước.

- Hoàn thành thủ tục, đủ điều kiện khởi công thực hiện dự án: “Đổi mới công nghệ, xây dựng hệ thống cung cấp nước thô từ sông Lam cho Trạm cấp nước Hưng Nguyên và Nhà máy nước sạch các xã trên địa bàn huyện Hưng Nguyên”.

- Hoàn thành hồ sơ và làm việc với các cơ quan về phương án giá nước sạch, để UBND tỉnh ban hành quyết định giá tiêu thụ nước sạch, trước ngày 01/7/2024.

- Hoàn thành hồ sơ và làm việc với các cơ quan về việc thuê đất mở rộng Nhà máy nước Hưng Nguyên, để UBND tỉnh ban hành quyết định cho thuê đất.

- Triển khai súc xả đường ống bằng quả mứt, với số lượng thực hiện tối thiểu 100 tuyến ống.

- Lắp mới, thay đồng hồ 12.750 cái (bao gồm cả 5.018 khách hàng ở địa bàn xã Xuân Hòa, xã Nam Lĩnh và xã Hưng Thịnh). Trong đó, lắp mới 4.800 cái và thay đồng hồ 7.950 cái.

- Sử dụng phần mềm để quản lý tài sản mạng đường ống trên địa bàn thành phố Vinh và vùng phụ cận, tối thiểu đạt chỉ tiêu: cập nhật vào phần mềm 50% các tuyến đường ống có kích thước từ DN 90 trở lên, 90% các tài sản khác.

- Khảo sát, thiết lập và tổ chức thi công 12 DMA. Hoàn thành thi công và bàn giao cho người quản lý 6 DMA.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về bộ máy điều hành, quản lý công ty.

Bộ máy điều hành, quản lý Công ty thuộc thẩm quyền HĐQT ra quyết định gồm 20 người, Trong đó: Ban Tổng giám đốc 03 người; Trưởng phòng và trưởng các đơn vị 16 người (Phòng Kế hoạch do Trợ lý Tổng giám đốc kiêm nhiệm). Trong quá trình điều hành hoạt động Công ty, cơ bản đã bám vào nội dung của Luật doanh nghiệp; Điều lệ; Quy chế công ty và nghị quyết của HĐQT để thực hiện.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.

2.1. Đánh giá các công việc đã thực hiện.

- Các cuộc họp giao ban định kỳ được tổ chức đều, nội dung các cuộc họp được chuẩn bị trước chu đáo, đã có cải tiến nội dung các cuộc họp giao ban theo hướng cụ thể hơn, gắn được trách nhiệm của người quản lý với công việc được giao.

- Đã sắp xếp lại lực lượng lao động của công ty trên cơ sở kế hoạch lao động-tiền lương và BHXH năm 2023 đã được HĐQT phê duyệt.

- Đã triển khai, lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện kế hoạch SXKD năm 2023, phấn đấu để hoàn thành các chỉ tiêu Đại hội đồng cổ đông giao.

- Ban hành và đưa vào áp dụng các chế tài trong quản lý có hiệu quả.

- Đã xử lý các khiếu nại của khách hàng, các tình huống phát sinh về chất lượng nước sản xuất v.v..

- Đã triển khai đầu tư xây dựng một số hạng mục công trình tại một số nhà máy để cải thiện chất lượng nước sạch, nâng công suất.

- Đã xây dựng và trình HĐQT phê duyệt và đưa vào áp dụng Kế hoạch SXKD năm 2024 của Công ty.

Ngoài ra Ban tổng giám đốc đã tổ chức, chỉ đạo thực hiện các nội dung công việc khác thuộc thẩm quyền được HĐQT giao.

2.2. Đánh giá ưu điểm và tồn tại.

2.2.1. Ưu điểm.

- Trong quá trình quản lý, điều hành cơ bản đã bám vào các nội dung được quy định trong điều lệ và quy chế Công ty; nội dung các vấn đề đã được HĐQT và các cuộc giao ban điều hành thông qua, đã có nhiều chuyển biến tích cực trong công tác điều hành theo hướng sâu sát, cụ thể hơn; giải quyết các nội dung công việc nhanh hơn, hiệu quả hơn so với trước.

- Ban hành và đưa vào áp dụng các chế tài trong quản lý có hiệu quả.

- Bám sát nhiệm vụ được giao, có nhiều cố gắng trong thực hiện nhiệm vụ.

- gương mẫu trong việc thực hiện Điều lệ và Quy chế của Công ty, tổ chức giao ban thường kỳ đều đặn và chất lượng tương đối tốt.

- Công tác chỉ đạo điều hành cụ thể hơn, sâu sát hơn so với trước đây.

- Tạo điều kiện tốt cho hoạt động của các tổ chức chính trị của Công ty.

Hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2023 ổn định, bám sát theo chỉ tiêu kế hoạch mà ĐHĐCĐ thường niên đưa ra. Công ty đã có các biện pháp tích cực trong sản xuất kinh doanh để đạt các chỉ tiêu đề ra đặc biệt là doanh thu và giảm tỷ lệ thất thoát.

Công tác tài chính kế toán được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Các vấn đề thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị đều được Tổng giám đốc báo cáo HĐQT xem xét và quyết định dưới sự giám sát của Ban kiểm soát. Các thành viên HĐQT, BKS đều thông tin kịp thời về tình hình hoạt động của Công ty.

Nói chung, Ban Tổng giám đốc đã thực hiện công tác điều hành theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều lệ Công ty, chủ động xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong công tác quản lý, điều hành, đề ra những biện pháp để thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

2.2.2. Tồn tại.

- Một số công việc chưa gắn được trách nhiệm của người được giao nhiệm vụ với việc thực hiện công việc được giao.
- Công tác tham mưu của một số phòng, đơn vị chưa kịp thời; Việc giải quyết một số công việc thuộc phạm trù chức năng còn chậm, chưa dứt điểm, sự phối kết hợp giữa các bộ phận trong giải quyết công việc chưa cao.
- Việc giải quyết các yêu cầu của người dân trong việc khắc phục các sự cố còn có tình trạng chưa kịp thời, để người dân kêu ca phàn nàn.
- Việc quản lý chống thất thoát trong quản lý về tổn thất nước, vật tư, sản phẩm chưa triệt để.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

Năm 2024, HĐQT sẽ tập trung vào những kế hoạch và định hướng như sau:

- Chuẩn bị chu đáo và tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 nghiêm túc, đảm bảo chất lượng.
- Triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Tổ chức thực hiện các cuộc họp định kỳ hàng tháng và họp đột xuất của HĐQT đảm bảo chất lượng và kịp thời để quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Giám sát việc thực hiện các mục tiêu kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua của Ban Tổng giám đốc.
- Giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HĐQT trong điều hành công việc sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.

1. Hội đồng quản trị.

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức danh HĐQT	Cổ phần trực tiếp sở hữu		Cổ phần đại diện sở hữu	
			Số lượng	Tỷ lệ % vốn điều lệ	Số lượng	Tỷ lệ % vốn điều lệ
1	Ông Nguyễn Bá Quý	Chủ tịch	-	-	0 cổ phần	
2	Ông Trịnh Văn Thắng	Phó Chủ tịch	7.000	0,0187%	14.227.836 cổ phần (Sở hữu đại diện phần vốn UBND tỉnh Nghệ An tại Công ty)	38,05%
3	Ông Lê Đình Hoan	Thành viên	-	-	10.341.940 cổ phần (Ông Lê Đình Hoan là Giám đốc Công ty cổ phần Mía đường Sông Con)	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị đã tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ bảy, năm 2023. Sau cuộc họp, HĐQT đã triển khai thực hiện:

- Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp lần thứ bảy năm 2023.

- Hội đồng quản trị tổ chức họp để nghe Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch SXKD; phê duyệt các chủ trương, chính sách theo đề nghị của Tổng giám đốc. Khi có yêu cầu về công việc thuộc thẩm quyền quyết định, HĐQT họp đột xuất để giải quyết kịp thời. Trong năm HĐQT đã tổ chức 10 cuộc họp định kỳ. Các cuộc họp được triệu tập đúng với quy định của điều lệ; có sự tham dự hợp của Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

- Các thành viên HĐQT và Trưởng BKS tham dự các cuộc họp HĐQT đầy đủ, tham gia nhiều ý kiến chất lượng.

- Trong năm 2023, HĐQT đã phê duyệt và chỉ đạo thực hiện các nội dung chính sau:

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ-HĐQT	28/2/2023	Nghị quyết về việc chốt danh sách cổ đông phục vụ ĐHCĐ thường niên năm 2023	100%
2	02/NQ-HĐQT	15/6/2023	Nghị quyết về việc chi trả cổ tức năm 2022 cho các cổ đông bằng tiền mặt	100%
3	01/QĐ-HĐQT	01/01/2023	Quyết định về việc phê duyệt nội dung Phương án thưởng tết Quý Mão năm 2023 và thanh toán chi phí hoạt động cấp nước năm 2022	100%
4	02/QĐ-HĐQT	08/01/2023	Quyết định về việc phê duyệt hỗ trợ thêm tiền thưởng cuối năm	100%
5	03/QĐ-HĐQT	10/01/2023	Quyết định về việc bổ sung tiền lương để thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm năm 2022	100%
6	04/QĐ-HĐQT	08/4/2023	Quyết định về việc khen thưởng lao động có chuyên môn tay nghề cao năm tài chính 2022	100%
7	05/QĐ-HĐQT	11/4/2023	Quyết định về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023	100%
8	06/QĐ-HĐQT	05/10/2023	Quyết định về việc cử đoàn công tác đến Nhật bản để tham quan và học tập tại công ty nước sạch tỉnh Saitama	100%
9	07/QĐ-HĐQT	11/12/2023	Quyết định về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình: Cải tạo hệ thống lọc, trạm bơm cấp 2 và điện tự động hóa ở Nhà máy nước Hưng Vĩnh	100%

Ngoài ra HĐQT còn quyết định các nội dung khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Không có.

2. Ban Kiểm soát.

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh	Cổ phần trực tiếp sở hữu		Cổ phần đại diện sở hữu		Ghi chú
			Số lượng	Tỷ lệ % vốn điều lệ	Số lượng	Tỷ lệ % vốn điều lệ	
1	Bà Võ Thị Thìn	Trưởng ban	41.700	0,11	-	-	
2	Bà Lê Thị Kim Oanh	Thành viên	-	-	-	-	
3	Bà Nguyễn Thị Ngân	Thành viên	-	-	-	-	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát theo quy định của luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An và thực hiện kế hoạch công tác kiểm tra, giám sát năm 2023. Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý tài chính của công ty trong năm 2023 theo các nội dung chủ yếu sau:

- Kiểm tra giám sát tình hình thực hiện Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. Tình hình thực hiện tuân thủ điều lệ Công ty, luật doanh nghiệp, pháp luật nhà nước.

- Kiểm tra giám sát tính hợp lý hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong việc quản lý, tổ chức điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác kế toán, thống kê và báo cáo tài chính.

- Giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.

- Xem xét tính phù hợp các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý.

- Tham gia tất cả các cuộc họp Hội đồng quản trị, họp giao ban của công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

CHỨC DANH	LƯƠNG CHUYÊN TRÁCH (đồng/tháng/người)	THÙ LAO KIÊM NHIỆM (đồng/tháng/người)
Chủ tịch HĐQT	15.000.000	
Phó Chủ tịch HĐQT		7.500.000
Thành viên HĐQT		5.000.000
Trưởng Ban kiểm soát	21.600.000	
Thành viên Ban kiểm soát		3.000.000


b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Có chi tiết kèm theo. 

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở giao dịch chứng khoán HN;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Ban TGD công ty;
- Lưu VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC 



Hoàng Văn Hải

